

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày /7/2023 của UBND xã)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5,566,600	3,674,491.93	66.01
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	139,600	51,574.50	36.94
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	609,000	224,348.00	36.84
3	Thu bổ sung	4,818,000	2,535,850.00	52.63
	- Bổ sung cân đối	4,818,000	2,484,000.00	51.56
	- Bổ sung có mục tiêu	-	51,850.00	
4	Thu chuyển nguồn		862,719.43	
II	TỔNG SỐ CHI	5,566,600	2,200,916.50	39.54
1	Chi đầu tư phát triển	500,000	-	-
2	Chi thường xuyên	5,066,600	2,200,916.50	43.44
3	Dự phòng			

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số: / BC-UBND ngày /7/2023 của UBND xã)

Đơn vị tính: 1000 đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN	SO SÁNH (% TH/DT)	
		HUYỆN GIAO	HĐND XÃ GIAO		TH/DTH	TH/DT HĐNDXÃ
	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	5,020,000	5,566,600	3,674,491.93	73.20	66.01
I	Các khoản thu 100%	93,000	139,600	51,574.50	55.46	55.46
1	Phí và lệ phí	15,000	20,000	10,906.50	72.71	72.71
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	28,000	69,600	34,043.00	121.58	121.58
3	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			625.00		
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định					
5	Thu khác	50,000	50,000	6,000.00		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	109,000	609,000	224,348.00	205.82	205.82
1	Thuế thu nhập cá nhân	16,000	16,000	15,949.60	99.69	99.69
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10,000	10,000		-	0.00
3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11,000	11,000	8,900.00	80.91	80.91
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	40,000	40,000	20,090.00	50.23	50.23
5	Thu tiền sử dụng đất	-	500,000	148,009.00		29.60
6	Thuế giá trị gia tăng	32,000	32,000	31,399.40	98.12	98.12
IV	Thu chuyển nguồn		-	862,719.43		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,818,000	4,818,000	2,535,850.0	52.63	52.63
1	Bổ sung cân đối	4,818,000	4,818,000	2,484,000.0	51.56	51.56

2	Bổ sung có mục tiêu	-	-	51,850.0		
---	---------------------	---	---	----------	--	--

[illegible]